TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 146/2018/QĐST-HNGĐ	*Bá Thước, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 141/2018/TLST/ HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2018 giữa :

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T Sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Thôn C , xã L N , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S ; Sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Thôn C , xã L N , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn S đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn S có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T sinh ngày 09/12/2004 và cháu Nguyễn Duy T sinh ngày 06/8/2010. Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn S tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị T sinh ngày 09/12/2004 và cháu Nguyễn Duy T sinh ngày 06/8/2010 cho đến khi thành niên, Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn S có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn S chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn S tự nguyện thỏa thuận: Chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004968 ngày 14/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND;
- .....;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên